TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ QUỐC TẾ CỦA QUỐC GIA GÂY THIỆT HẠI KHI KHAI THÁC TÀI NGUYÊN TRÊN CÁC VÙNG BIỂN QUỐC TẾ

PHAN MINH TIẾN*

Tóm tắt: *Các nguồn tài nguyên trên các vùng biển quốc tế rất dễ bị ảnh hưởng nếu một quốc gia thực hiện các hành vi có khả năng gây thiệt hại như: xây dựng đảo nhân tạo, đánh bắt dẫn đến tuyệt chủng một số loài sinh vật, gây ô nhiễm rác thải bề mặt đại dương... Bài viết phân tích quy định về trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế; đánh giá thực trạng và một số tồn tại về trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế và khuyến nghị hoàn thiện.*

Từ khóa: *trách nhiệm pháp lý quốc tế; gây thiệt hại; khai thác tài nguyên; vùng biển quốc tế.*

Ngày nhận bài: 11/4/2023; Ngày hoàn thành biên tập: 12/7/2023; Ngày duyệt đăng bài: 19/7/2023

Abstract: *The resources in international waters are very vulnerable to potentially damaging acts of countries such as building artificial islands, fishing leading to the extinction of some biological species or polluting ocean surface waste. The article analyses regulations on the international liability of countries causing damage when exploiting resources in international waters; assesses the status and some shortcomings of the international liability of the country causing damage when exploiting resources in international waters; and, makes recommendations for improvement.*

Keywords: *international legal responsibility; causing damage; exploiting resources; international waters.*

Đặt vấn đề

Biển cả là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá, bao phủ hơn 70% bề mặt trái đất. Với tỷ lệ bao phủ lớn như vậy, biển cả mang trong mình nhiều loại tài nguyên có giá trị cao như: tài nguyên sinh vật (các loài cá, các loài tảo biển, các loài giáp xác,...), tài nguyên phi sinh vật (dầu khí, trầm tích đáy biển, than đá,...). Chính nhờ sự đa dạng và phong phú của các loại tài nguyên mà biển cả đem đến đã thúc đẩy các quốc gia trên thế giới tìm đến và khai thác. Việc khai thác các nguồn tài nguyên trên các vùng biển đã đem lại nguồn lợi kinh tế đáng kể cho các quốc gia đó. Song, đó cũng chính là mối nguy vô cùng lớn khi việc khai thác tài nguyên đó gây thiệt hại cho các quốc gia khác. Vậy, khi một quốc gia khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế mà gây thiệt hại sẽ đặt ra vấn đề trách nhiệm như thế nào?

1. Khái quát về trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế

Trong lịch sử phát triển pháp luật trước đây, các xung đột được giải quyết bằng vũ lực nhưng cùng với sự phát triển của pháp luật quốc tế thì các quốc gia đã tìm ra được hướng giải quyết mới đó là sử dụng công lý. Điều này đã đem đến sự công bằng và bình đẳng trong giải quyết các xung đột giữa các quốc gia. Từ đó, pháp luật quốc tế hình thành một chế định mới để buộc các chủ thể phải chịu trách nhiệm về hành vi của họ gây ra, đó chính là chế định trách nhiệm pháp lý (TNPL) quốc tế.

Ý tưởng nghiên cứu chế định TNPL quốc tế đã được thực hiện vào cuối thế kỷ XIX

* Học viên cao học Luật kinh tế, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng công chứng Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

và những năm đầu của thế kỷ XX[1]. Đầu tiên là luật gia người Đức A. G. Gefferom đã chuyển TNPL dân sự từ sai lầm cá nhân và hợp đồng vào lĩnh vực pháp luật quốc tế, tiếp đến là Hội nghị của các quốc gia châu Mỹ (vào các năm 1889, 1890 và 1902) thông qua Công ước đề cập các quyền của công dân nước ngoài theo hai nguyên tắc:

Một là, nhà nước phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đã gây ra cho thân thể hoặc tài sản của người nước ngoài, nếu thiệt hại là kết quả vi phạm các cam kết của cơ quan nhà nước.

Hai là, nhà nước chỉ có thể bảo vệ ngoại giao đối với người bị thiệt hại là công dân, sau khi quốc gia sở tại giải quyết các quan hệ pháp lý của người có liên quan.

Đến năm 1907, Công ước "Về tuân thủ các đạo luật và các tập quán chiến tranh trên bộ" được thông qua. Đây là Công ước đầu tiên có nội dung quy định quốc gia phải chịu trách nhiệm vật chất và có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại khi thực hiện hành vi trái luật. Có thể kết luận rằng, chế định trách nhiệm quốc tế bắt đầu hình thành vào những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX gắn với các sự kiện quan trọng là sự thành lập và hoạt động của Hội quốc liên và Liên hợp quốc. Chế định này đã chính thức được hệ thống hóa và pháp điển hóa với tên gọi là Công ước về trách nhiệm của quốc gia vì các hành vi trái Luật quốc tế năm 2001.

Việc xác định TNPL quốc tế đã được quan tâm và thực hiện từ rất lâu. Cùng với xu thế phát triển hội nhập toàn cầu, việc xác định TNPL quốc tế của quốc gia là vô cùng cần thiết tạo thành hành lang pháp lý bình đẳng giữa các quốc gia với nhau trong hoạt động giao thương và hợp tác phát triển.

Khác với các chế định TNPL trong pháp luật quốc gia, chế định TNPL quốc tế có quá trình phát triển tương đối chậm. Điều này được lý giải bởi hai nguyên nhân cơ bản:

Thứ nhất, trong trật tự pháp lý quốc tế, không tồn tại một thiết chế quyền lực siêu quốc gia nào đóng vai trò của cơ quan lập pháp. Các nguyên tắc, quy phạm pháp luật quốc tế được xây dựng trên cơ sở sự thỏa thuận, tự nguyện, bình đẳng giữa các quốc gia và các chủ thể khác của pháp luật quốc tế. Vì vậy, việc xác định nội dung và cơ chế bảo đảm thực thi TNPL quốc tế luôn được xem xét trong mối quan hệ với chủ quyền quốc gia và được các quốc gia cân nhắc kỹ lưỡng, thận trọng.

Thứ hai, TNPL quốc tế mang nhiều đặc điểm của "luật hình thức", xác định trách nhiệm quốc gia trong trường hợp thực hiện hành vi vi phạm pháp luật quốc tế. Đó có thể là hành vi vi phạm trong luật điều ước quốc tế, luật ngoại giao lãnh sự, luật biển quốc tế... hay một ngành luật nào khác trong hệ thống pháp luật quốc tế. Nói cách khác, TNPL quốc tế liên quan đến tất cả các lĩnh vực của pháp luật quốc tế. Do đó, việc xây dựng được một chế định TNPL quốc tế thống nhất, đầy đủ trong pháp luật quốc tế đòi hỏi các quốc gia phải vượt qua rất nhiều những rào cản, khác biệt về chính trị, pháp lý, những mối quan tâm về kinh tế, xã hội... Cho nên, quá trình pháp điển hóa diễn ra tương đối chậm và trong một khoảng thời gian dài.

Đặc biệt, chúng có thể được nhìn nhận rõ ràng hơn nếu đặt TNPL quốc tế trong mối liên hệ so sánh với các dạng TNPL tồn tại trong hệ thống pháp luật quốc gia.

---

[1] Lê Văn Bính, *Trách nhiệm pháp lý quốc tế*, Tạp chí Khoa học - Đại học Quốc gia Hà Nội, số 28, năm 2012, tr.69-77.

Có thể thấy TNPL quốc tế thể hiện các đặc điểm sau:

Thứ nhất, với tính chất là một chế định của pháp luật quốc tế, TNPL quốc tế điều chỉnh mối quan hệ giữa các quốc gia và giữa quốc gia với các chủ thể khác của pháp luật quốc tế, đặc biệt là các tổ chức quốc tế liên chính phủ như: Liên hợp quốc, Tổ chức Thương mại thế giới, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á,...

Thứ hai, TNPL quốc tế được thể hiện dưới hình thức trách nhiệm vật chất và trách nhiệm phi vật chất. Tuy nhiên, TNPL quốc tế mang tính bồi hoàn hơn là tính trừng phạt. Tính chất bồi hoàn của TNPL quốc tế xuất phát từ đặc trưng về cơ chế xây dựng và thực thi pháp luật quốc tế. Về bản chất, các nguyên tắc, quy phạm của pháp luật quốc tế được xây dựng trước hết trên cơ sở thỏa thuận giữa các quốc gia là chủ thể cơ bản của pháp luật quốc tế.

Thứ ba, trong khuôn khổ cơ chế chung về xây dựng và thực thi pháp luật quốc tế, TNPL quốc tế được bảo đảm bởi chính các chủ thể của pháp luật quốc tế; do đó, không tồn tại một thiết chế siêu quốc gia chuyên trách để áp dụng các biện pháp trừng phạt trong trường hợp một chủ thể không tôn trọng việc thực hiện TNPL quốc tế.

Bên cạnh đó, trong pháp luật quốc tế, không có sự phân chia thành các hình thức TNPL như trong hệ thống pháp luật quốc gia. Thông thường, pháp luật quốc gia thường chia TNPL thành trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hợp đồng và trách nhiệm ngoài hợp đồng.

Từ những đặc điểm trên cho phép phân biệt TNPL quốc tế với các loại trách nhiệm khác trong pháp luật quốc gia, đặc biệt là trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự, thì tính trấn áp, trừng phạt lại là một trong những đặc điểm nổi bật. Trong trường hợp này, vi phạm pháp luật được hiểu là vi phạm đến những giá trị, lợi ích chung của cộng đồng được pháp luật bảo vệ. Chúng ta có thể phân loại TNPL quốc tế thành các loại như sau:

Thứ nhất, trách nhiệm phi vật chất là một dạng TNPL quốc tế theo đó chủ thể vi phạm pháp luật quốc tế phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về mặt tinh thần cho chủ thể pháp luật quốc tế khác (chủ thể bị hại) và một số trường hợp phải gánh chịu thiệt hại về vật chất do các biện pháp trả đũa hoặc trừng phạt mà một chủ thể áp dụng trên cơ sở các quy tắc của pháp luật quốc tế. Trách nhiệm phi vật chất có thể áp dụng một trong ba hình thức truy cứu TNPL quốc tế.

Thứ hai, trách nhiệm vật chất là một dạng trách nhiệm theo đó chủ thể vi phạm pháp luật quốc tế phải có nghĩa vụ đền bù về vật chất cho bên bị thiệt hại. Khi các yếu tố cấu thành là có hành vi vi phạm pháp luật quốc tế; có thiệt hại vật chất trên thực tế; có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm với thiệt hại vật chất xảy ra. Trách nhiệm vật chất có thể áp dụng thông qua một trong hai hoặc cả hai hình thức.

Thứ ba, TNPL quốc tế khách quan là các hành vi mà pháp luật quốc tế không cấm nhưng pháp luật quốc tế lại ràng buộc nghĩa vụ bồi thường thiệt hại với các chủ thể khi tiến hành các hoạt động được pháp luật quốc tế cho phép nhưng lại gây thiệt hại cho các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.

Cuối cùng, TNPL quốc tế chủ quan là hậu quả pháp lý phát sinh do chủ thể vi phạm pháp luật quốc tế gây hại cho chủ thể khác. Thực hiện các hành vi mà pháp luật quốc tế cấm. Không thực hiện hoặc thực

hiện không đúng các nghĩa vụ xuất phát từ các nguyên tắc và quy phạm pháp luật quốc tế. Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ phát sinh trong tố tụng quốc tế như không tuân thủ và thực hiện các phán quyết, quyết định giải quyết tranh chấp của Tòa án quốc tế hoặc trọng tài quốc tế mà các bên đã tự nguyện thừa nhận thẩm quyền của các cơ quan này.

TNPL quốc tế là "công cụ pháp lý" quan trọng để bảo đảm thực thi pháp luật quốc tế, khôi phục và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể bị thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật quốc tế của một chủ thể khác gây ra. Đây được coi là cơ sở giải quyết các tranh chấp cũng như các mối quan hệ phát sinh giữa các chủ thể khi xảy ra hành vi vi phạm pháp luật quốc tế. Đây là một loại trách nhiệm đặc biệt giữa các chủ thể của pháp luật quốc tế khi các chủ thể này vi phạm pháp luật quốc tế hoặc giữa chủ thể này với một chủ thể khác dù không vi phạm pháp luật quốc tế mà vi phạm nghĩa vụ với nhau được quy định trong các điều ước. Trong mối quan hệ này thông qua các chế tài của pháp luật quốc tế thì chủ thể vi phạm đó phải gánh chịu hậu quả bất lợi do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Một trong những vấn đề cần lưu tâm hiện nay là xác định đối tượng của TNPL là việc gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế. Pháp luật Việt Nam cũng đã nêu định nghĩa nguồn tài nguyên biển bao gồm tài nguyên sinh vật và tài nguyên phi sinh vật thuộc khối nước, đáy và lòng đất dưới đáy biển[2]. Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 cũng có quy định tương tự. Nguồn tài nguyên phi sinh vật trên các vùng rất lớn bao gồm nguồn tài nguyên khoáng sản có cả trong khối nước, trên đáy và trong lòng đất dưới đáy biển. Nguồn tài nguyên sinh vật được hiểu là tất cả các loài thực vật, động vật có ích hoặc được sử dụng tạo ra giá trị phục vụ cho con người. Nguồn tài nguyên sinh vật trên các vùng biển vô cùng đa dạng và phong phú. Chiếm trữ lượng khai thác lớn có giá trị kinh tế cao. Ngoài các loài động vật, còn có nhiều loại rong biển có giá trị quan trọng về kinh tế và dược liệu.

2. Quy định về trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế

Một là, trách nhiệm đáp ứng yêu cầu của bên thiệt hại

Trong quá trình khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế, nếu quốc gia khai thác mà gây thiệt hại một cách trực tiếp hay gián tiếp cho quốc gia khác thì quốc gia gây thiệt hại có trách nhiệm phải đáp ứng yêu cầu của bên bị thiệt hại. Việc đưa ra các yêu cầu cho bên gây thiệt hại phải tuân thủ theo những nguyên tắc của pháp luật quốc tế. Những yêu cầu đó phải là thích đáng.

Những yêu cầu này có thể là yêu cầu về bồi thường, yêu cầu chấm dứt hay dừng một phần hành vi gây hại hay thậm chí là yêu cầu về khôi phục nguyên trạng môi trường đã bị gây hại. Trách nhiệm đáp ứng yêu cầu của bên bị thiệt hại là những trách nhiệm mà bên gây thiệt hại phải đáp ứng đầy đủ cho bên bị thiệt hại. Nó là tổng thể những trách nhiệm mà bên gây thiệt hại phải chịu.

Bên gây thiệt hại phải đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đó trừ trường hợp đó là những yêu cầu không chính đáng. Việc bên gây thiệt hại không đồng ý những yêu cầu của bên bị thiệt hại thì hai bên có thể giải

[2] Khoản 6 Điều 4 Luật Biển Việt Nam năm 2012.

quyết thông qua một bản án quốc tế và cả hai bên đều phải có trách nhiệm chấp hành bản án đó một cách nghiêm túc. Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy rằng, việc xác định những thiệt hại đã xảy ra, những yêu cầu được đưa ra sẽ trải qua nhiều công đoạn với sự hợp tác giữa các bên. Không phải lúc nào yêu cầu của bên bị thiệt hại đều được bên gây thiệt hại đáp ứng. Việc tiến hành các biện pháp ngoại giao như: đàm phán, thương lượng, trung gian, hòa giải hay các biện pháp tài phán như: trọng tài, Tòa án quốc tế để đạt những yêu cầu của mình và sự đáp ứng yêu cầu của các bên là cần thiết.

Theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, bất kỳ quốc gia nào tham gia vào một tranh chấp liên quan đến TNPL quốc tế có thể yêu cầu quốc gia gây thiệt hại đáp ứng những yêu cầu của mình. Khi yêu cầu được chấp nhận và các bên đồng ý về các yêu cầu sẽ được đáp ứng thì coi như việc đáp ứng những yêu cầu hoàn thành. Khi những yêu cầu đó không được đáp ứng hoặc các bên không thể thỏa thuận về việc đáp ứng yêu cầu thì coi như đã chấm dứt việc hòa giải[3].

Hai là, trách nhiệm khôi phục nguyên trạng

Bên cạnh việc đáp ứng yêu cầu của bên bị thiệt hại khi gây hậu quả trong khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế thì quốc gia gây thiệt hại cũng có trách nhiệm khôi phục nguyên trạng những phần đã gây thiệt hại. Việc khôi phục nguyên trạng môi trường bị ô nhiễm là trách nhiệm của quốc gia gây thiệt hại. Đây là trách nhiệm khắc phục đối với những thiệt hại hình thành trong tương lai không thể thông qua một khoản bồi thường được. Các trách nhiệm hình thành trong tương lai đó có thể như mất khả năng khai thác tài nguyên, thiệt hại môi trường sống của sinh vật vĩnh viễn, sự biến mất của một số loài sinh vật[4].

Điều quan trọng nhất khi thực hiện trách nhiệm khôi phục nguyên trạng môi trường bị ô nhiễm là cần phải tìm kiếm một môi trường lấy làm tham khảo. Môi trường tham khảo này cần phải bảo đảm tính tương tự với môi trường bị hư hại. Việc đó bao gồm các nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật. Quốc gia gây thiệt hại có trách nhiệm phối hợp với cộng đồng quốc tế về việc khắc phục môi trường.

Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 quy định về trách nhiệm khôi phục nguyên trạng nguồn tài nguyên bị thiệt hại. Dựa trên những số liệu đáng tin cậy nhất của mình, quốc gia gây thiệt hại tiến hành khôi phục nguyên trạng nguồn tài nguyên bị thiệt hại thông qua hoạt động khai thác của mình. Đồng thời phải đưa ra những biện pháp gia tăng các đàn (đối với nguồn tài nguyên sinh vật) khi khối lượng đàn bị ảnh hưởng do hoạt động khai thác tài nguyên gây mất cân bằng hệ sinh thái biển[5].

Ba là, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, được hiểu đó là trách nhiệm tài sản. Nó là biện pháp mang tính dân sự hữu hiệu để bảo đảm nghĩa vụ thực hiện đúng những cam kết, thỏa thuận khi gây thiệt hại trong khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế. Bồi thường thiệt hại là một biện pháp nhằm đền bù những thiệt hại do hành

[3] Điều 284 Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

[4] Tein McDonald, George D. Gann, Justin Jonson, Kingsley W. Dixon: *International Standards For The Practice Of Ecological Restoration - Including Principles and Key Concepts*, SER Australia, năm 2018, tr.293.

[5] Điều 119 Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

vi vi phạm pháp luật quốc tế hoặc vi phạm sự thỏa thuận của quốc gia gây thiệt hại đối với một hay nhiều quốc gia khác hay với cộng đồng quốc tế.

Khi đã xác định được TNPL quốc tế của quốc gia gây thiệt hại trong khai thác tài nguyên xuyên biên giới thì vấn đề thiệt hại được đặt ra[6]. Tuy nhiên, đây là vấn đề không dễ dàng, bởi vì việc xác định yếu tố lỗi hoặc đánh giá tổng thể thiệt hại bị gây ra. Các vấn đề đặt ra ngay lúc này là bồi thường thiệt hại trong trường hợp này gồm những loại nào, nó bao gồm bất kỳ hậu quả nào gây ra trong tương lai và cả thiệt hại về tinh thần.

Cơ sở pháp lý làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại là sự vi phạm nghĩa vụ (nghĩa vụ theo thỏa thuận hoặc nghĩa vụ được quy định theo pháp luật quốc tế). Sự vi phạm nghĩa vụ được thể hiện qua việc không thực hiện, thực hiện không đúng, thực hiện không đầy đủ hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ.

Việc thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể tiến hành thông qua sự thỏa thuận của các bên và cũng có thể thông qua một phán quyết của Tòa án quốc tế. Cơ chế giải quyết tranh chấp này xuất phát từ nguyên tắc "tự do - bình đẳng thỏa thuận của các bên" trong quan hệ pháp luật quốc tế. Bên gây thiệt hại phải tuân thủ những trách nhiệm bồi thường mà mình phải chịu. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại là trách nhiệm tài sản được thực hiện bởi chủ thể gây thiệt hại, hoặc một chủ thể khác được ủy quyền. Mục đích chính của trách nhiệm này không phải là sự trừng phạt, mà là khắc phục những hậu quả do hành vi vi phạm gây ra. Do vậy, nó chú trọng đến việc khắc phục hậu quả trên thực tế. Vì thế bản chất của nó là một khoản đền bù cho những tổn thất đã gây ra. Tính chất này thể hiện ở việc dù gây thiệt hại về vật chất hay tinh thần cho chủ thể bị vi phạm, thì chủ thể vi phạm luôn phải bồi thường bằng tài sản để bù đắp những thiệt hại và tổn thất đã gây ra. Khoản đền bù này được quy ra vật chất, cho dù nó là những tổn thất về danh dự. Việc chỉ đền bù bằng tinh thần không đủ để khắc phục những hậu quả trong thực tế, mà việc đền bù bằng vật chất sẽ giúp chủ thể bị vi phạm một phần khắc phục hậu quả. Từ đó, tạo áp lực cho chủ thể vi phạm sẽ không có những hành vi tương tự trong tương lai. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại mang tính chất phòng ngừa cho những vi phạm trong tương lai.

Nghĩa vụ bồi thường được xác định theo quy định của pháp luật quốc tế hoặc là sự thỏa thuận. Nó sẽ bao gồm cả những thiệt hại về vật chất và tinh thần. Đó có thể là một khoản tiền được ấn định trước hoặc xác định theo hậu quả thực tế. Ngoài ra, cần lưu ý là từ trước đến nay chưa có một tiền lệ nào về thiệt hại tinh thần được bồi thường nếu không có sự thỏa thuận từ trước.

Để bảo đảm một sự bù trừ nhanh chóng và thích đáng cho mọi sự thiệt hại nảy sinh từ ô nhiễm môi trường biển, Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 yêu cầu các quốc gia cần hợp tác để bảo đảm áp dụng và phát triển pháp luật quốc tế về trách nhiệm có liên quan về việc đánh giá và bồi thường các thiệt hại và việc giải quyết các tranh chấp này[7].

Các quốc gia khi tham gia khai thác các

[6] Lê Minh Nhựt, Phùng Hồng Thanh, *Trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên xuyên quốc gia*, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 19, tháng 10/2019, tr.20-28, truy cập ngày 13/9/2020.

[7] Điều 235 Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

nguồn tài nguyên biển phải đóng góp một khoản bảo hiểm bắt buộc cho các quỹ bồi thường[8]. Việc đóng góp vào quỹ này sẽ tuân theo quy định của Cơ quan Quyền lực Đáy biển, thường là từ 05-10% tổng giá trị hợp đồng mà quốc gia thực hiện khai thác nguồn tài nguyên dưới đáy biển. Cơ quan Quyền lực Đáy biển có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn quỹ này vào các hoạt động bồi thường nhanh cho các bên bị hại do hoạt động khai thác tài nguyên gây ra.

3. Thực trạng và một số tồn tại về trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế

TNPL của quốc gia trong quan hệ pháp luật nhấn mạnh đến những nghĩa vụ mà quốc gia phải thực hiện trên cơ sở các chuẩn mực pháp lý và đạo đức được cộng đồng quốc tế thừa nhận rộng rãi và vì những lợi ích chung của cộng đồng quốc tế. Tinh thần của chế định trách nhiệm đòi hỏi các quốc gia phải xác định lợi ích quốc gia một cách chính đáng, trong đó, phải nhận thức rõ được các luật chơi chung, trong khuôn khổ pháp luật hợp lý, những quyền và nghĩa vụ chung cần được bảo vệ. Từ đó, quốc gia sẽ có các chính sách và hành động phù hợp với các chuẩn mực, khuôn khổ pháp lý và đóng góp phù hợp với khả năng để giải quyết các vấn đề, mối đe dọa chung với khu vực và toàn thế giới. Tuy vậy vẫn còn một số quốc gia vi phạm những điều mà pháp luật quốc tế không cho phép trên các vùng biển quốc tế. Cụ thể:

Vụ tàu Stolt Kestrel (Hà Lan) xả chất phụ gia của dầu bôi trơn xuống vùng đáy biển quốc tế. Vào năm 1994 tàu Stolt Kestrel của Hà Lan trong quá trình khai thác cá ở ngoài vùng biển quốc tế, các thuyền viên thực hiện rửa két dầu của tàu đã xả một lượng dầu mà trong đó bao gồm nhiều chất phụ gia bị cấm xả thải xuống vùng đáy đại dương theo quy định của pháp luật quốc tế như chất Polychlorinated Biphenyls là chất mà Tổ chức Hàng hải quốc tế đã khuyến cáo không nên vận chuyển và xả xuống khu vực biển. Hậu quả của sự việc này đã làm cho bờ biển vùng Tây Bắc của nước Anh bị ô nhiễm và hàng trăm con chim hải âu đã bị chết. Những loại chất thải mà tàu này đã xả xuống khu vực biển quốc tế đã gây ra ảnh hưởng nghiêm trọng cho môi trường biển và khu vực đáy đại dương.

Anh đã yêu cầu Hà Lan nơi quốc gia có tàu Stolt Kestrel thực hiện hành vi khai thác các tài nguyên trên vùng biển quốc tế gây thiệt hại cho mình phải bồi thường tất cả các thiệt hại và khôi phục nguyên trạng tình trạng môi trường đã bị ô nhiễm một cách triệt để. Anh đã tiến hành kiện Hà Lan lên Tòa án quốc tế về Luật biển với yêu cầu không tái phạm bất kỳ hành vi nào khác trong tương lai. Tòa án quốc tế về Luật biển xác định hành vi của tàu Stolt Kestrel đã vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc của pháp luật quốc tế về khai thác tài nguyên ở vùng biển quốc tế gây thiệt hại nghiêm trọng cho vùng bờ biển của quốc gia khác và phải chịu những TNPL quốc tế do hành vi đó mang lại, bao gồm trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Anh về các thiệt hại đã được xác định và trách nhiệm khôi phục nguyên trạng môi trường đã bị ô nhiễm.

Vụ Australia và New Zealand kiện Nhật Bản đánh bắt cá voi ở vùng biển quốc tế. Ngày 31/5/2010, Australia đã tiến hành các thủ tục chống lại Nhật Bản liên quan đến việc "Nhật Bản tiếp tục theo đuổi chương

[8] Điều 235 Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.

trình đánh bắt cá voi quy mô lớn trong Giai đoạn thứ hai của Chương trình Nghiên cứu Cá voi Nhật Bản theo Giấy phép Đặc biệt ở Nam Cực, vi phạm về các nghĩa vụ mà Nhật Bản đảm nhận theo Công ước Quốc tế về Quy chế Đánh bắt Cá voi, cũng như các nghĩa vụ quốc tế khác của Nhật Bản đối với việc bảo tồn các loài thú biển và môi trường biển ở khu vực biển quốc tế"[9].

Trong Phán quyết được đưa ra vào ngày 31/3/2014, Tòa án lần đầu tiên nhận thấy rằng, họ có thẩm quyền giải quyết vụ việc, bác bỏ lập luận của Nhật Bản rằng tranh chấp thuộc phạm vi bảo lưu có trong tuyên bố của Australia công nhận quyền tài phán của Tòa án là bắt buộc. Sau đó, phán quyết này chuyển sang câu hỏi về việc giải thích và áp dụng Điều VIII của Công ước năm 1946, đoạn 1 trong đó nói rằng, các bên "có thể cấp cho bất kỳ công dân nào của họ một giấy phép đặc biệt cho phép công dân đó giết, lấy và xử lý cá voi nhằm mục đích nghiên cứu khoa học".

Sau đó, Tòa án chuyển sang hàm ý của kết luận đó, do Australia cho rằng Nhật Bản đã vi phạm một số điều khoản của Biểu phụ lục kèm theo Công ước. Nhận thấy rằng Nhật Bản thực sự đã vi phạm một số quy định được viện dẫn (cụ thể là các quy định về quy chế đánh bắt cá voi thương mại và tàu của nhà máy, và việc cấm đánh bắt cá voi thương mại ở Nam Ocean Sanctuary), họ đã xem xét vấn đề về biện pháp khắc phục. Vì đây là một chương trình đang diễn ra, nên nó đã ra lệnh cho Nhật Bản thu hồi bất kỳ giấy phép còn tồn tại nào để giết, lấy hoặc xử lý cá voi liên quan đến nó và không cấp thêm bất kỳ giấy phép nào theo khoản 1 Điều VIII của Quy ước, theo đuổi chương trình đó. Đồng thời, Nhật Bản có trách nhiệm khôi phục nguyên trạng số lượng đàn cá voi đã bị khai thác dưới mục đích thương mại. Trong trường hợp có bất kỳ thiệt hại nào đối với quốc gia nào vì hành vi của mình gây ra thì Nhật Bản phải chịu trách nhiệm về nó.

Hiện nay, việc áp dụng TNPL quốc tế của quốc gia gây thiệt hại trong khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế được xem là một vấn đề hết sức được quan tâm. Hậu quả pháp lý của việc áp dụng TNPL đó rất nặng nề, đòi hỏi nhiều vấn đề. Chúng ta không thể đoán trước được những hậu quả pháp lý đó. Từ đó, việc phát sinh một số tồn tại trong áp dụng TNPL hiện nay là một vấn đề cần được tìm hiểu.

Tồn tại trong việc xác định thiệt hại xảy ra đối với môi trường trên các vùng biển quốc tế. Về nguyên tắc, hành vi gây thiệt hại môi trường xuyên biên giới do yếu tố lỗi cần có sự xuất hiện của hậu quả hành vi, nghĩa là, có thiệt hại xảy ra và thiệt hại ở đây phải là thiệt hại "nghiêm trọng", "đáng kể". Tiếp đến, thiệt hại trong trường hợp khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế có thể là thiệt hại vật chất, thiệt hại tinh thần, hay cả thiệt hại hình thành trong tương lai. Tuy nhiên, vấn đề xác định thiệt hại hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn xung quanh việc xác định các mẫu, phương pháp trong xác định và về cả quy chuẩn đo lường các chỉ số thiệt hại.

Tồn tại trong việc thực thi các TNPL quốc tế. Việc thực thi TNPL của một số quốc gia về hậu quả hành vi của mình còn chậm trễ. Có thể thấy, mặc dù việc một bản án hay một điều ước về TNPL các bên đã có hiệu lực và phù hợp pháp luật quốc tế, nhưng vấn đề sẽ xảy ra tiếp theo đó là quá

[9] International Court of Justice, *Whaling in the Antarctic (Australia v. Japan: New Zealand intervening)*, https://www.icj-cij.org/en/case/148, truy cập ngày 16/12/2020.

trình thực hiện những trách nhiệm đó, đây là quá trình kéo dài và phức tạp đối với các bên. Quá trình thực hiện TNPL quốc tế đó không thể tránh được những sai sót như chậm bồi thường thiệt hại, chậm khôi phục nguyên trạng các thực thể bị gây hại, đáp ứng một phần hoặc chưa đáp ứng đủ yêu cầu của bên bị hại. Cần được hiểu rằng, tài nguyên thiên nhiên trên các vùng biển quốc tế bị thiệt hại trong quá trình khai thác rất khó khăn để khắc phục những vi phạm đó. Điều này không thể tồn tại trong một thời gian ngắn được.

Tồn tại trong việc quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên các vùng biển quốc tế thông qua Cơ quan Quyền lực Đáy biển. Được thành lập dựa trên Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, Cơ quan Quyền lực Đáy biển được xem là cơ quan thay mặt cộng đồng quốc tế và Liên hợp quốc quản lý nguồn tài nguyên tại Vùng. Nhưng hiện nay cho thấy, Cơ quan này vẫn chưa phát huy hết vai trò của mình trong các quan hệ khai thác và thăm dò tài nguyên dưới đáy biển quốc tế và đáy đại dương. Cơ quan Quyền lực Đáy biển vẫn còn cần phải đưa ra nhiều quy định trong khai thác tài nguyên và quản lý các hoạt động khai thác, thăm dò mà mình đã cấp phép để tránh tình trạng khai thác quá mức gây hậu quả cho các nguồn tài nguyên biển khác.

Tồn tại trong việc điều ước quốc tế quy định về TNPL quốc tế. Tính tới thời điểm này vẫn chưa có một điều ước quốc tế nào quy định rõ những TNPL mà quốc gia cần phải thực hiện khi vi phạm pháp luật quốc tế hoặc thỏa thuận về nghĩa vụ phải thực hiện. Mặc dù các quốc gia khi tham gia Công ước Viên năm 1969 về điều ước quốc tế đã đề ra nguyên tắc nghiêm chỉnh tuân thủ cam kết quốc tế[10].

Tức là quốc gia đã tự nguyện ràng buộc bởi một cam kết quốc tế thì cũng đồng nghĩa với việc quốc gia đó có TNPL quốc tế phát sinh từ cam kết đó mà không được viện dẫn bất cứ lý do gì, kể cả lý do về pháp luật quốc gia để biện minh cho việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ những nghĩa vụ đã cam kết. Mặc dù vậy, tầm quan trọng để có một công ước về TNPL quốc tế với sự đóng góp xây dựng của cộng đồng quốc tế là vô cùng cần thiết trong xu thế phát triển hiện nay.

4. Một số khuyến nghị hoàn thiện trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế

Pháp luật quốc tế là công cụ để duy trì hòa bình và an ninh bảo đảm ổn định và công bằng cho tất cả các quốc gia theo một chuẩn mực nhất định, là phương tiện để nội lực hóa các luật quốc gia bảo đảm việc thực hiện có hiệu quả trên quy mô toàn cầu và là phương pháp để giải quyết các tranh chấp quốc tế giữa các quốc gia trên vùng biển quốc tế nói riêng và tất cả các tranh chấp nói chung.

Khuyến nghị về hoàn thiện pháp luật: Đối với hệ thống quy phạm pháp luật về TNPL quốc tế. Tính đến thời điểm này một thời gian dài để giải quyết các tranh chấp chúng ta phải áp dụng tập quán quốc tế hoặc các điều ước quốc tế khác để giải quyết các vụ tranh chấp, đây được xem là phương pháp hiệu quả trước khi có một công ước quốc tế về TNPL quốc tế. Tuy nhiên,

[10] Điều 26 và Điều 27 Công ước Viên năm 1969 về điều ước quốc tế.

với quy mô phát triển của thế giới hiện nay có thể thấy nhiều quy định không còn phù hợp nữa. Để áp dụng giải quyết các tranh chấp quốc tế về trách nhiệm khi gây thiệt hại trong khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế cần có một Công ước chung quy định các vấn đề này. Việc này sẽ hệ thống hóa các quy định của pháp luật quốc tế hiện hành, bổ sung và hoàn thiện được cơ bản những thiếu sót về chế định TNPL quốc tế.

Một công ước về TNPL quốc tế khi ra đời sẽ đáp ứng được quy trình áp dụng pháp luật trong việc làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan, giải quyết được những bất cập trước đây. Với sự phát triển của đời sống xã hội, sự hội nhập quốc tế của các quốc gia về mọi mặt thì những quy định rõ ràng về chế định TNPL quốc tế sẽ phù hợp với quy tắc phát triển chung của toàn nhân loại. Vì vậy, các quốc gia cần tích cực tham gia vào công tác soạn thảo và hành động một cách nhanh chóng để ban hành và hoàn thiện các quy phạm về chế định TNPL quốc tế nhằm bảo đảm cho việc áp dụng chế định đó đạt hiệu quả cao hơn, đáp ứng nhu cầu phát triển cũng như hội nhập của tất cả các quốc gia.

Khuyến nghị về phát huy vai trò của Cơ quan Quyền lực Đáy biển: Bảo vệ môi trường biển, đa dạng sinh học là vấn đề cấp bách và cần được chú trọng hiện nay. Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 đã giao cho Cơ quan Quyền lực Đáy biển là cơ quan quản lý tài nguyên tại Vùng. Nhưng vai trò của Cơ quan này hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế cần phải được cải thiện.

Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 đã thiết lập nên trật tự pháp lý mới trong khai thác, sử dụng biển và một trong những nội dung được coi là cuộc cách mạng trong pháp luật quốc tế là sự ghi nhận nguyên tắc "di sản chung của loài người" trong quy chế pháp lý đối với nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật tại vùng biển quốc tế khu vực nằm ngoài quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia[11]. Tuy nhiên, các nước phát triển, nhất là Mỹ, lại không tán thành với khuôn khổ pháp lý quản lý tại vùng biển quốc tế theo Phần XI Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982. Nhằm giải quyết các phản đối của các nước này, ngày 28/7/1994, Thỏa thuận liên quan đến thực thi Phần XI Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (Thỏa thuận năm 1994) đã được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua với tính chất như một nghị định thư sửa đổi, bổ sung chế độ của đáy biển quốc tế.

Cùng với Công ước và Thỏa thuận năm 1994, những văn bản được Cơ quan Quyền lực Đáy biển thông qua là cơ sở pháp lý trực tiếp điều chỉnh những hoạt động đối với những loại tài nguyên cụ thể ở vùng biển quốc tế, bao gồm những văn bản có giá trị pháp lý ràng buộc và những văn bản mang tính khuyến nghị quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục pháp lý liên quan đến các hoạt động khảo sát, thăm dò tài nguyên. Đến nay, Cơ quan Quyền lực Đáy biển đã thông qua ba quy định có giá trị pháp lý rõ ràng, ràng buộc điều chỉnh hoạt động khảo sát, thăm dò đối với ba loại khoáng sản là các khối đa kim, lưu huỳnh và coban, bao gồm: Quyết định của Đại hội đồng Cơ quan

[11] Tullio Scovazzi, *The Concept of Common Heritage of Mankind and the Genetic Resources of the Seabed beyond the Limits of National Jurisdiction*, Agenda Internacional Ano XIV, số 25, năm 2007, tr.102.

Quyền lực Đáy biển về Quy định đối với hoạt động khảo sát, thăm dò lưu huỳnh trong Vùng đáy biển năm 2012 (ISBA/16/A/12/Rev.1) gọi tắt là Quy định về lưu huỳnh; Quyết định của Đại hội đồng Cơ quan Quyền lực Đáy biển về Quy định đối với hoạt động khảo sát, thăm dò các khối đa kim trong Vùng đáy biển và các vấn đề liên quan năm 2013 (ISBA/19/C/17) gọi tắt là Quy định về khối đa kim; Quyết định của Đại hội đồng Cơ quan Quyền lực Đáy biển về Quy định đối với hoạt động khảo sát, thăm dò coban trong Vùng đáy biển năm 2012 (ISBA/18/A/11) gọi tắt là Quy định về coban.

Đến nay Cơ quan Quyền lực Đáy biển đã phê duyệt 31 hợp đồng thăm dò liên quan đến 92 quốc gia khác nhau và bao phủ hơn 1,3 triệu km vuông đáy biển. Con số này chiếm khoảng 0,7% diện tích đáy biển quốc tế và 0,3% đại dương trên thế giới. Mười hai trong số các hợp đồng này được tài trợ bởi các nước đang phát triển. Mười ba quốc gia và hiệp hội liên chính phủ hiện có các hợp đồng cho thăm dò các loại khoáng sản dưới đáy biển quốc tế[12]. Trong đó bao gồm 17 hợp đồng thăm dò các khối đa kim, 06 hợp đồng thăm dò lưu huỳnh và 04 hợp đồng thăm dò coban[13]. Ngoại trừ 06 hợp đồng ký kết trực tiếp giữa ISA với các quốc gia thành viên, bao gồm 02 hợp đồng ký với Chính phủ Ấn Độ, 02 hợp đồng ký với Chính phủ Nga, các hợp đồng còn lại ký với các pháp nhân được các quốc gia thành viên của Công ước bảo trợ. Điểm chung của tất cả những quốc gia này đều là những quốc gia có trình độ khoa học - kỹ thuật rất phát triển.

Không chỉ việc quản lý cho phép hay không cho phép thực hiện khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế, pháp luật quốc tế còn phải trực tiếp điều chỉnh hoạt động của các chủ thể trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản tại các vùng biển này. Nói cách khác, khi cho phép các chủ thể được tiến hành những hoạt động tại vùng biển quốc tế, để quản lý các hoạt động này, pháp luật quốc tế mặc dù đã ghi nhận những nghĩa vụ mà chủ thể phải tuân thủ thông qua các quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982. Đại hội đồng Liên hợp quốc với vai trò của mình cần phải tăng cường quản lý tài nguyên thiên nhiên trên các vùng biển quốc tế. Qua đó góp phần gìn giữ nguồn di sản chung của nhân loại, bảo đảm cho tất cả các quốc gia đều được hưởng những lợi ích mà nguồn tài nguyên đó mang lại.

Kết luận

Trong giai đoạn các quốc gia thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế trên nhiều lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... nhất là đẩy mạnh khai thác các nguồn tài nguyên trên các vùng biển quốc tế, do đó, việc quy định cũng như hoàn thiện các quy định của pháp luật quốc tế về TNPL quốc tế khi gây thiệt hại trong khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế là điều cần thiết. Bởi vì, bên cạnh những mặt tích cực của quá trình phát triển trong khai thác nguồn tài nguyên trên biển là sự gia tăng không ngừng các tranh chấp quốc tế về TNPL khi xảy ra thiệt hại mà chủ thể của nó là các quốc gia đã làm ảnh hưởng đến uy tín của quốc gia và

[12] International Seabed Authority, *Exploration Contracts*, https://www.isa.org.jm/exploration-contracts/, truy cập ngày 22/6/2023.

[13] International Seabed Authority, *Selected Decisions and documents of the twenty-second session*, Annex 1, năm 2019, tr.93.

cũng gây ra những bất đồng trên các quan hệ quốc tế.

Thật vậy, thông qua quá trình nghiên cứu có thể nhận thấy pháp luật quốc tế vẫn chưa ghi nhận bất kỳ bản án hay phán quyết nào liên quan đến TNPL quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế từ khi Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển ra đời (năm 1982) đến nay. Vì vậy, để chế định TNPL quốc tế có thể áp dụng một cách toàn diện và hiệu quả, thì trong quá trình áp dụng pháp luật, các tổ chức tài phán quốc tế và chính những chủ thể vi phạm cần có nhận thức đúng đắn, đầy đủ hơn về chế định này. Sự thay đổi trong lịch sử phát triển của TNPL quốc tế cho thấy, chế định TNPL quốc tế không chỉ giới hạn cho bất kỳ một quốc gia nào. Trong quá khứ, vị trí của quốc gia được xem là cao hơn so với các chủ thể khác của TNPL quốc tế nên việc xử lý TNPL quốc tế của quốc gia vô cùng khó khăn. Việc ban hành chế định về TNPL của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế có thể góp phần duy trì công bằng giữa các quốc gia trên thế giới nhằm bảo vệ lợi ích chung của cộng đồng quốc tế.

Có thể thấy, chế định về TNPL quốc tế của quốc gia đang dần được áp dụng rộng rãi trong việc giải quyết các tranh chấp quốc tế. Việc ghi nhận chế định TNPL quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế là cần thiết, để tạo nên được một phiên tòa công bằng giữa các bên tham gia quá trình tố tụng. Tồn tại trong quy định về mức độ bồi thường thiệt hại thì nội dung chế định TNPL quốc tế như thế nào là phù hợp cũng như để bảo đảm sự cân bằng giữa các quốc gia trong pháp luật quốc tế vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần được khắc phục, hoàn thiện. Do đó, đề tài về TNPL quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên trên các vùng biển quốc tế đang cần được quan tâm nhiều hơn nữa từ các nhà làm luật, các nhà nghiên cứu cũng như các chủ thể có liên quan để xây dựng hoàn thiện hơn các chế định TNPL quốc tế, góp phần tạo nên một môi trường công bằng trong quan hệ quốc tế. ❑

Tài liệu tham khảo

1. A. G. Geffter, *Luật quốc tế châu Âu*, Nxb. Khoa học Matxcova, năm 1988.
2. P. E. Kazan, *Giới thiệu về Luật quốc tế*, Nxb. Khoa học Matxcova, năm 1988.
3. Phan Trung Hiền, *Lý luận về Nhà nước và Pháp luật (Quyển 2)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2012, tr.35.
4. Nguyễn Thị Kim Lành, *Trách nhiệm của pháp nhân thương mại theo pháp luật Việt Nam*, Nxb. Trường Đại học Luật - Đại học Huế, năm 2018.
5. Lê Văn Bính, *Trách nhiệm pháp lý quốc tế*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Tạp chí Luật học, số 28, năm 2012.
6. Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.
7. Công ước Viên năm 1969 về điều ước quốc tế.
8. Luật Biển Việt Nam năm 2012.
9. Trần Nam Tiến, *Hoàng Sa - Trường Sa: Hỏi và đáp*, Nxb. Trẻ, năm 2011.
10. Tein McDonald, George D. Gann, Justin Jonson, Kingsley W. Dixon, *International Standards For The Practice Of Ecological Restoration - Including Principles and Key Concepts*, SER Australia, năm 2018.
11. Tullio Scovazzi, *The Concept of Common Heritage of Mankind and Genetic Resources of the Seabed beyond the Limits of National Jurisdiction*, Agenda Internacional Ano XIV, số 25, năm 2007.
12. International Seabed Authority, *Selected Decisions and documents of the twenty-second session*, Annex 1, năm 2019.
13. Lê Minh Nhựt, Phùng Hồng Thanh, *Trách nhiệm pháp lý quốc tế của quốc gia gây thiệt hại khi khai thác tài nguyên xuyên quốc gia*, http://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210415.
14. International Court of Justice, *Whaling in the Antarctic (Australia v. Japan: New Zealand intervening)*, https://www.icj-cij.org/en/case/148.
15. International Seabed Authority, *Exploration Contracts*, https://www.isa.org.jm/exploration-contracts/.